TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27 – 02 – 2025
" V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Thu Hà.

2/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Trâm.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trương Tuyết Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long*: *không tham gia phiên tòa*.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 581/2024/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024 về việc "*Tranh chấp ly hôn*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2025/QĐST – HNGĐ ngày 10/02/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Kim N**, sinh năm: 1997 (Vắng mặt có đơn).
Địa chỉ cư trú: ấp Q, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Anh **Văn Đức N1**, sinh năm: 1988 (Vắng mặt).
Địa chỉ cư trú: ấp T, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ngày 23/10/2024 và các lời trình bày khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N trình bày:***

- *Về mối quan hệ hôn nhân:* Chị và anh N1 hôn nhân hình thành là do tự tìm hiểu có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q vào ngày 06/3/2017. Sau khi cưới chị sống bên chồng. Thời gian đầu chị và anh N1 chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị và anh N1 bất đồng quan điểm nên thường xuyên cự cải, hai bên gia đình ra sức hàn gắn nhưng vẫn không hòa hợp được. Chị và anh N1 ly thân từ tháng 01 năm 2024 đến nay. Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N1.

- *Về con chung:* Có 02 con chung tên Văn Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 30/8/2017 và Văn Ngọc Kim A1, sinh ngày 24/7/2019 hiện nay đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi 2 con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung; nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Tại bảng khai ý kiến ngày 02/12/2024 cháu Ngọc A1 trình bày: Khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với chị Kim N.

- Bị đơn anh Văn Đức N1 vắng mặt tại phiên Tòa không lý do và không vì sự kiện bất khả kháng, không cung cấp bảng khai ý kiến về các vấn đề của nguyên đơn yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

[1.1] Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ vào khoản 2, Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

[1.2] Xét thấy, nguyên đơn chị N có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228; điểm a, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn. Xét việc bị đơn anh N1 được triệu tập hợp lệ tham dự phiên hòa giải, thông báo về việc kiểm tra giao nộp,

tiếp cận công khai chứng cứ và ngày giờ xét xử đến lần thứ hai, nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy, có thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn; Hội đồng xét xử, quyết định xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Hội đồng xét thấy, giữa chị N và anh N1 có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị N anh N1 có nhiều mâu thuẫn như: Vợ chồng thường hay cự cãi vì bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên tình cảm dần phai nhạt. Chị N anh N1 đã ly thân với nhau từ tháng 01 năm 2024 đến nay từ đó làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Tòa án đã triệu tập anh N1 nhiều lần, để hòa giải nhằm giúp hai bên có thời gian, có cơ hội hàn gắn tình cảm, nhưng anh N1 cố tình tránh né không đến Tòa án.

Từ đó, cho thấy anh N1 không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử, xét thấy hôn nhân giữa chị N anh N1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên chị N yêu cầu ly hôn với anh N1 là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị N xác định chị N và anh N1 có 02 con chung tên Văn Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 30/8/2017 và Văn Ngọc Kim A1, sinh ngày 24/7/2019. Hiện nay đang sống chung với chị N, khi ly hôn chị N có yêu cầu được nuôi cháu Ngọc A1 và cháu Kim A1, đồng thời không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Ngọc A1 và cháu Kim A1 từ nhỏ sống chung với chị N ổn định, phát triển bình thường, 2 cháu cũng có nguyện vọng sống với chị N1. Nên giao cháu Ngọc A1 và cháu Kim A1 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chị N không có yêu cầu cấp dưỡng nên anh N1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết. Bị đơn anh N1 không có ý kiến phản bác nên Hội đồng đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị N không yêu cầu giải quyết. Bị đơn anh N1 không có ý kiến phản bác nên Hội đồng đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị N phải chịu số tiền án phí là: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; 228; 238 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với anh Văn Đức N1.

2. Về con chung: Giao cháu Văn Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 30/8/2017 và Văn Ngọc Kim A1, sinh ngày 24/7/2019 cho chị Nguyễn Thị Kim N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Văn Đức N1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Kim N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị Kim N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Kim N phải nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí

đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số N^{0} 0009653 ngày 29/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, chị Nguyễn Thị Kim N đã nộp đủ không phải nộp thêm.

- Anh Văn Đức N1 không phải nộp án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND huyện Vũng Liêm;
-Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Cường